

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2017/DS-PT
Ngày 07- 12- 2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLDS-PT ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 123/2017/QĐ-PT ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Bá Q, sinh năm 1970.
Cư trú tại: Thôn T H, xã G V, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1974, bà Vũ Thị M, sinh năm 1976.
Cư trú tại: Thôn 3, xã T H, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Thôn B S, xã Đ N T, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Xuân T.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ông Phạm Bá Q trình bày:

Vào năm 2015 ông Hoàng Xuân T nhiều lần đến đại lý của ông mua phân bón để về bón cà phê với tổng số tiền ông T còn nợ là 39.095.000đ. Do chưa có tiền trả nợ nên đầu năm 2016, vợ chồng ông T và bà Vũ Thị M có đến nhà ông để xin khất nợ và các bên đã thống nhất chốt tổng số tiền nợ và lãi mà vợ chồng ông T, bà M nợ của ông số tiền là 46.523.050đ. Sau khi chốt nợ thì ông đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà M trả số tiền trên nhưng không được mà còn cho rằng ông bán phân bón giả để nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà M phải trả cho ông số tiền 46.523.050đ như các bên cam kết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông T, bà M trình bày:

Ông, bà có mua phân bón và thuốc trừ sâu của nhà ông Q nhiều lần từ những năm 2010 để về bón cho cây cà phê, nhưng đến năm 2016 vợ chồng ông phát hiện phân bón của ông Q bán là phân giả nên vợ chồng ông không tiếp tục mua nữa. Ông bà thừa nhận còn nợ của ông Q số tiền 46.523.050đ, lý do mà ông bà chưa trả là vì hiện nay ông, bà đang làm đơn gửi Công an huyện C T để điều tra xác minh làm rõ về chất lượng phân bón mà ông Q bán cho vợ chồng ông, bà.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Bá Q. Buộc ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q số tiền 46.523.050đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/9/2017 bị đơn ông Hoàng Xuân T kháng cáo không đồng ý trả cho nguyên đơn Ông Phạm Bá Q số tiền 46.523.050đ với lý do nguyên đơn đã bán phân kém chất lượng cho bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn có đơn xin vắng mặt, có đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Xuân T. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn Ông Phạm Bá Q khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M phải trả số tiền 46.523.050đ, đây là số tiền do bị đơn nợ khi mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; phía bị đơn không đồng ý trả với lý do nguyên đơn đã bán phân bón giả nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông T, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được cấp sơ thẩm thu thập và lời khai của các đương sự thể hiện:

Từ tháng 6 đến tháng 9/2015, Ông Phạm Bá Q có bán cho ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M một số phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc cây cà phê, do không có tiền trả nên ngày 02/01/2016 các bên đã thống nhất chốt nợ với nhau số lượng hàng hóa đã bán với tổng giá trị là 39.095.000đ và lãi suất 1%/tháng x 19 tháng là 7.428.050đ, tổng cộng là 46.523.050đ (bút lục 10). Về phía bị đơn ông T, bà M thừa nhận có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cũng như số tiền còn nợ như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng cho rằng phân bón của nguyên đơn bán cho bị đơn là phân bón giả nên bị đơn không đồng ý trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

Theo Thông báo kết quả xác minh đơn của công dân số 762/TB-CAH ngày 07/8/2017 của cơ quan Công an huyện C T trả lời ông Hoàng Xuân T thì thấy: Số lượng phân bón do bị đơn mua của nguyên đơn từ đầu năm 2010 đến giữa năm 2016 đã được bị đơn bón hết cho vườn cây cà phê. Qua xem xét thực tế tại vườn cà phê khoảng 7 năm tuổi của bị đơn thì cây phát triển bình thường, xanh tốt, đang ra quả. Mặt khác, qua kiểm tra đột xuất đại lý phân bón của nguyên đơn cũng như đối chiếu vỏ bao bì của đại lý phân bón với bao bì thu tại nhà của bị đơn thì cơ quan Công an xác định nguồn gốc phân bón bị đơn mua của nguyên đơn có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được Nhà nước cho phép kinh doanh nên không có cơ sở để kết luận việc bị đơn mua phân của nguyên đơn là phân giả. Như vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông T, bà M có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn ông Q số tiền 46.523.050đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, ông T có đơn xin vắng mặt nhưng đề nghị cho gia đình ông thời gian một năm để đi xét nghiệm phân bón và hỏi các cơ quan có thẩm quyền cấp trên, khi có kết quả thì Tòa phúc thẩm mới được mở phiên tòa xét xử là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Xuân T: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn Ông Phạm Bá Q với bị đơn ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Bá Q: Buộc ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Phạm Bá Q số tiền 46.523.050đ (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Hoàng Xuân T, bà Vũ Thị M phải chịu 2.326.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm; tổng cộng là 2.626.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ ông Hoàng Xuân T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000112 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T. Ông T, bà M còn phải nộp 2.326.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ông Phạm Bá Q số tiền 1.162.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000048 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện C T;
- CCTHADS huyện C T;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng